

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thề.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Quý- Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QNST-HNGĐ, ngày 22 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 30/ QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị K, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn 07, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lý Văn T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn 04, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông - (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016. Địa chỉ: Thôn 04, xã K, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện hợp pháp cho cháu cháu T: Chị Nông Thị K. Địa chỉ: Thôn 07, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2016 chị Nông Thị K và anh Lý Văn T tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K huyện C, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn có chung sống với nhau được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T không chịu lo làm ăn, thường xuyên chửi bới chị K nên chị K bỏ đi làm ăn xa. Hiện tại chị K và anh T đã ly thân từ cuối năm 2018 cho tới nay. Chị K thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị K làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị K và anh T có 01 con chung tên Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016, chị K cho rằng con chung hiện nay đang ở với anh T từ năm 2018 cho tới nay, mặt khác chị K đi làm ăn xa và không có nhà cửa, nên chị K đồng ý giao con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị K đồng cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lý Văn T trình bày: Năm 2016 anh T và chị K tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân hai vợ chồng sống không hiểu nhau nên thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nên chị K bỏ nhà đi từ cuối năm 2018 cho tới nay, thực tế chị K và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Chị K khởi kiện ly hôn thì anh T không đồng ý ly hôn và xin được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con khôn lớn, mặt khác anh T vẫn còn tình cảm với chị K.

Về con chung: Anh T và chị K có 01 con chung tên Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016, hiện tại con đang ở với anh T. Nếu chị K kiên quyết ly hôn thì anh T xin được tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con một lần.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đúng theo quy định của pháp luật, nhưng tại các phiên hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng đối với bị đơn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị K được ly hôn với anh T và giao con Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận chị K cấp dưỡng nuôi con Lý Nông Đức T mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu giải quyết về con chung, nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện C, do đó đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: **Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đúng theo quy định của pháp luật, nhưng tại các phiên hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.** Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã K huyện C, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị K với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn giữa chị K và anh T sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, từ đó chị Kiều đi làm ăn xa, thực tế chị K và anh T đã ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị cho rằng tình cảm giữa chị K và anh T đã thật sự không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cho rằng trong cuộc sống vợ chồng, chị K và anh T cũng có mâu thuẫn như cãi nhau về kinh tế gia đình, hiện tại anh T và chị K đã ly thân gần một năm nay, nhưng tình cảm vẫn còn nên anh T xin được đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy con khôn lớn và không muốn ly hôn với chị K.

Tại biên bản xác minh địa phương cho biết: Chị K và anh T có mâu thuẫn về kinh tế, thực tế chị K và anh T đã sống ly thân.

Tại khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động khác...*" không thể chung sống bên nhau được.

Trong khi đó giữa chị K với anh T có đủ điều kiện để chung sống bên nhau, nhưng không thể chung sống với nhau được và đã sống ly từ cuối năm 2018 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K và cho chị K được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về con chung: Cần chấp nhận yêu cầu của chị K là đồng ý giao con giao con Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến đủ 18 tuổi.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên vọng của anh T yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con một lần. Chị K đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần.

Xét việc anh T yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con một lần, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K là đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi con Lý Nông Đức T đủ 18 tuổi, điều này cũng phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Các điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 19; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 4 Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị K;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị K được ly hôn với anh Lý Văn T.

2. Về con chung: Giao con Lý Nông Đức T, sinh ngày 19/3/2016 cho anh Lý Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau này vì quyền lợi của con các bên vẫn có quyền thỏa thuận yêu cầu thay đổi, người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Nông Thị K phải cấp dưỡng nuôi con Lý Nông Đức T mỗi tháng là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con Lý Nông Đức T đủ 18 tuổi.

Chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi người được cấp dưỡng hoặc người cấp dưỡng chết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị K và anh Lý Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5. Về án phí: Buộc chị Nông Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002905 ngày 01/06/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C

Buộc chị Nông Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Lan